

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 12 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Đăng.

2. Bà Đặng Thị Bé.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Nguyễn Xuân H, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: khóm H, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Y, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Đài Loan; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bùi Nguyễn Xuân H trình bày là chị H và anh Y biết nhau nhờ người quen mai mối, sau một thời gian tìm hiểu chị H và anh Y có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 15/11/2019. Sau khi kết hôn, anh Y về Đài Loan làm thủ tục bảo lãnh chị H đến Đài Loan sinh sống, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng thường xảy ra mâu thuẫn bởi giữa vợ chồng có nhiều điểm khác nhau, cá tính không hợp, bất đồng ngôn ngữ, vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị H yêu cầu được ly hôn anh Y. Về nuôi con chung không có. Về chia tài sản không có. Về nợ chung không có.

Tại giấy đồng ý ly hôn, đề ngày 09/9/2020, anh Y trình bày là anh Y và chị Bùi Nguyễn Xuân H được bạn giới thiệu quen biết và quyết định tiến đến hôn nhân, được UBND thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2019 và vào sổ đăng ký kết hôn số 46. Trong thời gian dịch bệnh Covid 19, anh Y không thể đến Việt Nam gặp chị H và vun đắp tình cảm, vợ chồng chỉ có thể liên lạc qua điện thoại, thường xuyên cãi vã nhau trên điện thoại và đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do quan điểm khác nhau, cá tính không hợp, ngôn ngữ khác nhau, đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì. Về hôn nhân xin ly hôn với bên nữ. Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Vụ án ly hôn giữa nguyên đơn Bùi Nguyễn Xuân H là công dân Việt Nam và bị đơn Y là công dân nước ngoài (Đài Loan) thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án; tranh chấp về ly hôn mà có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; chị H cư trú tại khóm H, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp và anh Y không có nơi cư trú ở Việt Nam nên Tòa Gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện của chị H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Anh Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về hôn nhân:**

Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy việc chị Bùi Nguyễn Xuân H và anh Y đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/11/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định sau khi kết hôn vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Tại phiên tòa chị H trình bày sau khi kết hôn một thời gian, anh Y về Đài Loan sinh sống. Từ khoảng cách về địa lý, bất đồng về ngôn ngữ nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, thường xuyên cãi vã nhau trên điện thoại làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy chị H yêu cầu được ly hôn anh Y và anh Y có văn bản đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận và quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Nguyễn Xuân H và anh Y.

[3] Về nuôi con chung: Chị Bùi Nguyễn Xuân H và anh Y không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 55, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Nguyễn Xuân H và anh Y.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị H tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006055 ngày 28/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị H có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND thành phố Sa Đéc;
- Lưu HS, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thúy Hằng**